

PHỤ LỤC 3B

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH HỢP ĐỒNG

Biểu trưng của Cục Đường
bộ Việt Nam
(Cơ quan phát hành)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM)

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH (PASSENGER LIST)

(Sử dụng cho phương tiện vận tải khách du lịch và theo hợp đồng tạm xuất – tái nhập
/For export and re-import of vehicles involed in tourist and non-scheduled passenger transport operation)

Số/(No.):

Số đăng ký phương tiện (Registration number):

Tên doanh nghiệp, HTX (Carrier name):

Địa chỉ (Address):

Số điện thoại (Tel No.):, **Số Fax (nếu có)/Fax No.(if any):**

Phạm vi hoạt động của chuyến đi (Route of itinerary):

Thời hạn chuyến đi (Term of the journey): ngày (date),

Từ ngày (From date)/...../ 20 **đến ngày (to date)**/...../20

Danh sách hành khách (Passengers list):

Số TT (No.)	Họ tên hành khách (Passenger name)	Số hộ chiếu (Passport No.)	(No.)	Họ tên hành khách (Passenger name)	Số hộ chiếu (Passport No.)	(No.)	Họ tên hành khách (Passenger name)	Số hộ chiếu (Passport No.)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1			19			37		
2			20			38		
3			21			39		
4			22			40		
5			23			41		
6			24			42		

7			25			43		
8			26			44		
9			27			45		
10			28			46		
11			29			47		
12			30			48		
13			31			49		
14			32			50		
15			33			51		
16			34			52		
17			35			53		
18			36			54		
Tổng cộng số hành kháchngười <i>(Total passengers departing from bus terminal)</i> <i>(person)</i>					Xác nhận của doanh nghiệp, HTX (Ký tên, đóng dấu, nếu có)/Carrier (Signature and stamp, if any): Ngày (date)/...../20....			

(Ghi chú: Danh sách này gồm 3 liên: Liên 1 (gốc) giao cho cơ quan Hải quan cửa khẩu; liên 2 giao cho Chủ phương tiện; liên 3 giao cho Biên phòng cửa khẩu)/(Note: List of passenger includes 03 copies; 01 copy for customs; 01 copy for carrier; 01 copy for border guard officer.

Nguồn: Thông tư 29/2009/TT-BGTVT